



Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 44: Tháng 4/2026

Tài chính, Kinh tế & Thương mại



[Nhu cầu tại ASEAN tăng cao thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam giữa bối cảnh rủi ro logistics toàn cầu](#)

Các thị trường Đông Nam Á đang trở thành trụ cột quan trọng cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam như rau quả, cao su và thủy sản, trong bối cảnh chi phí logistics tăng cao và các rủi ro vận tải biển toàn cầu buộc các nhà xuất khẩu phải ưu tiên các điểm đến gần với nhu cầu ổn định.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.1



[PMI® Ngành Sản xuất Việt Nam](#)

Cuộc chiến tranh ở Trung Đông đã khiến tốc độ tăng chi phí đầu vào trong ngành sản xuất của Việt Nam nhanh hơn đáng kể trong tháng 3, và từ đó giá bán hàng tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần 15 năm. Áp lực giá cả mạnh lên đã làm hạn chế nhu cầu, và kết quả là, tốc độ tăng của cả số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng đều chậm lại.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt [tại đây](#)



[Biến động địa chính trị được coi là rủi ro lớn nhất đối với tăng trưởng kinh doanh tại Việt Nam năm 2026: Khảo sát](#)

Căng thẳng địa chính trị được coi là mối đe dọa lớn nhất đối với sự tăng trưởng của các doanh nghiệp tại Việt Nam trong năm nay, theo một khảo sát được công bố cùng với bảng xếp hạng FAST500 năm 2026 của đơn vị nghiên cứu trong nước Vietnam Report.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.2



[Giá đầu vào sản xuất tại các thị trường mới nổi tăng mạnh do chiến tranh ở Trung Đông](#)

Các nền kinh tế thị trường mới nổi đã ghi nhận chi phí sản xuất tăng vọt trong tháng 3, khi chiến tranh bùng nổ tại Trung Đông dẫn đến sự gia tăng trên diện rộng của giá nhiên liệu, vận tải và các hàng hóa khác, cũng như sự tăng giá của các mặt hàng nhập khẩu tính bằng đồng đô la Mỹ. Dữ liệu PMI mới nhất cho thấy nhìn chung giá đầu vào sản xuất tại các thị trường mới nổi đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần 4 năm qua, với mức tăng tốc rõ rệt được quan sát thấy ở các khu vực thuộc Mỹ Latinh và Trung Mỹ, Đông Nam Á và Trung Âu.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.3



VIETNAM BRIEFING
From Doan & Associates

[Thị trường du lịch y tế Việt Nam năm 2026: Chiến lược thâm nhập thị trường và Triển vọng đầu tư](#)

Lĩnh vực du lịch y tế của Việt Nam đang thu hút sự quan tâm như một lựa chọn thay thế có chi phí cạnh tranh tại Châu Á, được hỗ trợ bởi các tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe đang cải thiện, cơ sở hạ tầng du lịch mở rộng và các chính sách chủ động từ chính phủ. Với doanh thu thị trường dự kiến tiếp cận mức 4 tỷ USD vào năm 2033, ngành công nghiệp này mang lại cơ hội tăng trưởng cao ở giai đoạn đầu cho các nhà đầu tư.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.4

Góc nhìn Chuyên gia

	<p><u>Global Gateway tại Việt Nam: Cao ủy Síkela thúc đẩy đầu tư châu Âu với trọng tâm mới vào giao thông vận tải</u></p> <p>Dựa trên quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện vừa được nâng cấp, Cao ủy Liên minh Châu Âu (EU) về Đối tác Quốc tế, ông Jozef Síkela, đã thông báo trong sứ mệnh của mình rằng Liên minh Châu Âu và Việt Nam sẽ đầu tư hơn 560 triệu Euro vào giao thông bền vững và năng lượng sạch để tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững đồng thời giảm thiểu ô nhiễm, phù hợp với chiến lược Global Gateway (Cửa ngõ Toàn cầu) của EU.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.1</i></p>
	<p><u>“Khoảnh khắc Ukraine của Châu Á”: Chiến tranh Iran có thể đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang năng lượng tái tạo như thế nào</u></p> <p>Các nhà phân tích chia sẻ với CNBC rằng hệ lụy từ cuộc chiến tại Iran có khả năng sẽ thúc đẩy quá trình rời bỏ nhiên liệu hóa thạch và khiến các quốc gia có cái nhìn khác về vai trò của năng lượng tái tạo trong việc củng cố an ninh năng lượng.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.2</i></p>
	<p><u>Ngân hàng UOB cảnh báo căng thẳng Trung Đông là rủi ro đối với triển vọng năm 2026 của Việt Nam</u></p> <p>Ngân hàng UOB (Singapore) cho biết nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng 7,83% trong quý 1 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước, vượt mức kỳ vọng nhờ hiệu suất mạnh mẽ của ngành sản xuất và xuất khẩu. Tuy nhiên, các rủi ro bên ngoài, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông, có thể gây áp lực lên triển vọng trong phần còn lại của năm.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.3</i></p>
	<p><u>Bảo hiểm cho tiến trình phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu</u></p> <p>Ngân hàng Thế giới ước tính khoảng 300 tỷ USD tài sản thương mại và công nghiệp của Việt Nam đang nằm trong vùng dễ bị tổn thương trước các thảm họa liên quan đến khí hậu. Patrick Lenain, chuyên gia cao cấp tại Hội đồng Chính sách Kinh tế, xem xét những lỗ hổng trong bảo vệ bảo hiểm và cách xây dựng các giải pháp cho những khoảng trống đó.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.4</i></p>
<h2>Tủ sách Doanh nghiệp</h2>	
	<p><u>Báo cáo của KPMG: Quản lý khủng hoảng: Xung đột tại Iran và những tác động đối với ngành ngân hàng</u></p> <p>Trước những diễn biến tại Trung Đông, các tác động đến kinh tế toàn cầu và hệ thống tài chính ngày càng rõ nét. Đối với ngành ngân hàng, rủi ro không chỉ đến từ tác động trực tiếp của xung đột, mà còn là hiệu ứng dây chuyền lên giá năng lượng, lạm phát, chuỗi cung ứng, và cả chất lượng tín dụng. KPMG đã xây dựng báo cáo tập trung phân tích các kịch bản, kênh truyền dẫn (transmission channels) và những rủi ro tiềm ẩn mà ban lãnh đạo cần đặc biệt lưu tâm.</p> <p><i>Đọc và tải báo cáo đầy đủ bằng tiếng Việt tại đây</i></p>
	<p><u>Báo cáo của S&P Global: Nhìn về phía trước: Tương lai Ngành Năng lượng</u></p> <p>Hệ thống năng lượng toàn cầu đang bước vào một kỷ nguyên mở rộng, nơi các yếu tố về khả năng chi trả, tính tin cậy, năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng địa chính trị đang được ưu tiên hơn so với chuyển đổi năng lượng. Chuyển đổi năng lượng không hề biến mất; nó chỉ không còn là mục tiêu hàng đầu. Thay vào đó là một mệnh lệnh cấp thiết hơn: các hệ thống năng lượng an toàn, giá cả phải chăng và có khả năng mở rộng quy mô, đủ sức duy trì tăng trưởng kinh tế trong một kỷ nguyên địa chính trị đầy bất ổn.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.1, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh tại đây</i></p>
	<p><u>Báo cáo của Savills: Tổng quan thị trường Bất động sản Việt Nam Quý 1/2026</u></p> <p>Quý 1/2026, thị trường bất động sản TP.HCM duy trì sự ổn định với đặc điểm nổi bật là nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu phục hồi có chọn lọc ở các phân khúc. Trong khi đó, Hà Nội ghi nhận những kết quả khả quan, được củng cố bởi điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn FDI tiếp tục đổ vào và quy hoạch tổng thể dài hạn. Thị trường đang dần chuyển đổi sang mô hình đa trung tâm và phi tập trung, tập trung mạnh mẽ hơn vào chất lượng sản phẩm và trải nghiệm người dùng.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.2, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh cho thị trường Hà Nội tại đây, thị trường Tp.Hồ Chí Minh tại đây</i></p>

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
VCCI: Khóa học “Nghệ thuật kinh doanh Xuất nhập khẩu”	Trực tuyến	Khai giảng: 02/04/2026	Giảng viên: TS. Nguyễn Tiến Đà, là người đang giảng dạy, kinh doanh XNK/log với kinh nghiệm hơn 30 năm, cùng đội ngũ GV có trình độ ThS và bề dày kinh nghiệm, thường xuyên đào tạo bồi dưỡng các lớp kinh doanh XNK, Logistics, chuyên đề tại Miền Trung, Tây Nguyên	Tại đây
VCCI: Diễn đàn “Doanh nghiệp Việt - Nga (vùng Sverdlovsk): Xu hướng hợp tác công nghiệp hiện nay”	Khách sạn Melia, 44B Lý Thường Kiệt, Hà Nội	08/04/2026 Từ 08:30	Thành phần tham dự: Phái đoàn vùng Sverdlovsk (Liên bang Nga), gồm lãnh đạo các doanh nghiệp tiêu biểu trong các lĩnh vực luyện kim, dầu khí, năng lượng, vận tải và xây dựng	Tại đây
VCCI: Sự kiện kết nối “Kết nối Chuỗi cung ứng toàn cầu: Cơ hội và lộ trình hành động cho Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam”	Khu vực Hội thảo, Sảnh H1, Trung tâm triển lãm Việt Nam (VEC), Đông Anh, Hà Nội	10/04/2026 Từ 09:00	Đơn vị tổ chức: Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Tại đây
VCCI: Khóa đào tạo kỹ năng số thực chiến “AI in office – Ứng dụng AI nâng cao hiệu suất làm việc trong Doanh nghiệp”	Hội trường lầu 1, Tòa nhà VCCI-HCM, 171 Võ Thị Sáu, Phường Xuân Hòa, Tp. HCM	16/04- 17/04/2026 08:30-17:00	Giảng viên: ThS Vũ Đỗ Tuấn Huy – Chuyên gia Ứng dụng AI Thực Chiến Đối tượng tham dự: Cán bộ, nhân viên văn phòng và cấp quản lý	Tại đây
VCCI: Chương trình đào tạo CEO (giám đốc điều hành) cho các doanh nghiệp Việt Nam tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	Khai giảng: 18/04/2026	Đối tượng tham dự: Cấp lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp hoặc quản lý cấp trung được doanh nghiệp quy hoạch vào vị trí lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	Tại đây
VCCI: Triển lãm Fastener Taiwan 2026	Trung tâm Triển lãm Cao Hùng, Đài Loan	22/04- 24/04/2026	Đơn vị tổ chức: Hiệp Hội Phát Triển Ngoại Thương Đài Loan (TAITRA) Quy mô triển lãm: Dự kiến sẽ có 300 doanh nghiệp tham gia với 1000 booth triển lãm	Tại đây
VCCI: Mời tham gia Đoàn dự Hội nghị Thượng đỉnh Đầu tư Hoa Kỳ kết hợp chương trình làm việc, khảo sát thị trường tại Hoa Kỳ	Phoenix - Washington D.C.- New York, Hoa Kỳ	29/04- 10/05/2026	Đơn vị tổ chức: Bộ Thương mại Hoa Kỳ Đối tượng tham gia: - Doanh nghiệp Việt Nam mọi ngành nghề - Ưu tiên doanh nghiệp khởi nghiệp, công nghệ, chuyển đổi số - Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, có định hướng đầu tư và mở rộng hoạt động tại Hoa Kỳ	Tại đây

KPMG x SingCham: Hội nghị “Mekong Gateway Summit 2026”

Khách sạn JW Marriott Hotel & Suites Saigon, Góc Đường Hai Bà Trưng & Đại Lộ Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp.HCM

29/05/2026 08:00-15:00
Diễn giả từ phía KPMG: Ông Luke Treloar

[Tại đây](#)

KPMG x Solar & Storage Live Vietnam: Thiết kế. Thi công. Vận hành. Dự án điện mặt trời và lưu trữ năng lượng quy mô thương mại, công nghiệp và dân dụng

SKY EXPO, Công viên phần mềm Quang Trung, Tp.HCM

08/07-09/07/2026
09:00-17:00

Diễn giả từ phía KPMG: Bà Trương Hạnh Linh

[Tại đây](#)

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2026 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.





Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 44: Tháng 4/2026

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Nhu cầu tại ASEAN tăng cao thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam giữa bối cảnh rủi ro logistics toàn cầu

Các thị trường Đông Nam Á đang trở thành trụ cột quan trọng cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam như rau quả, cao su và thủy sản, trong bối cảnh chi phí logistics tăng cao và các rủi ro vận tải biển toàn cầu buộc các nhà xuất khẩu phải ưu tiên các điểm đến gần với nhu cầu ổn định.

Dữ liệu từ Bộ Công Thương Việt Nam cho thấy nhập khẩu nông sản trên khắp ASEAN đã tăng đều đặn trong những năm gần đây, đặc biệt là trái cây, thủy sản, cao su và hồ tiêu.

Tại Malaysia, nhập khẩu rau quả tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm là 6,03% trong giai đoạn 2021–2025, đạt 2,95 tỷ USD vào năm 2025. Quốc gia này phụ thuộc lớn vào nguồn cung bên ngoài, trong đó các loại rau thiết yếu như hành, tỏi và khoai tây chiếm 40–45% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Việt Nam hiện là nhà cung cấp rau quả lớn thứ bảy của Malaysia, nắm giữ 3,52% thị phần. Các mặt hàng xuất khẩu chính bao gồm thanh long, sầu riêng đông lạnh, xoài và nhãn, trong đó sầu riêng Ri6 của Việt Nam đang dần khẳng định vị thế như một nguồn nguyên liệu cho chế biến thực phẩm Halal.

Các danh mục xuất khẩu khác cũng ghi nhận nhu cầu mạnh mẽ trong khối ASEAN. Tại Singapore, Việt Nam xếp thứ ba trong danh sách các nhà cung cấp thủy sản năm 2025 với kim ngạch xuất khẩu đạt 125,5 triệu SGD (93 triệu USD), chiếm 10,3% thị phần. Các sản phẩm cá phi lê và cá đông lạnh là danh mục xuất khẩu chủ lực.

Tại Indonesia, nhập khẩu cao su đạt trung bình 492.521 tấn mỗi năm trong giai đoạn 2021–2025, tăng 21,3% so với giai đoạn trước. Việt Nam đã vươn lên trở thành nhà cung cấp lớn thứ tư vào năm 2025, với sản lượng vận chuyển tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái lên mức 48.710 tấn và thị phần tăng lên 10,5%. Xu hướng tăng trưởng này được dự báo sẽ tiếp tục duy trì do sản lượng cao su nội địa của Indonesia tiếp tục sụt giảm.

Xuất khẩu hồ tiêu cũng đạt được những bước tiến. Nhập khẩu hồ tiêu của Thái Lan đã tăng từ 5.990 tấn năm 2020 lên 9.652 tấn năm 2025. Chỉ tính riêng trong tháng 1 năm 2026, lượng nhập khẩu đã tăng vọt 121,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Việt Nam chiếm gần như toàn bộ các lô hàng.

Gạo vẫn là nền tảng trong xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực, theo ông Đỗ Hà Nam, Phó Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam. Trong tháng 1 năm 2026, lượng hàng vận chuyển sang Philippines đạt 331.770 tấn trị giá 147,4 triệu USD, chiếm hơn một nửa tổng khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Ông Lê Phú Cường, Tham tán Thương mại tại Thương vụ Việt Nam tại Philippines, cho biết mặc dù nhu cầu mạnh mẽ và sở thích tiêu dùng có nhiều nét tương đồng, nhưng các thách thức vẫn tồn tại. Các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt như gạo phải đối mặt với những thay đổi về chính sách và các biện pháp phòng vệ thương mại, đòi hỏi doanh nghiệp phải nhạy bén và nắm bắt thông tin tốt. Đồng thời, sản phẩm Việt Nam cũng gặp phải sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các đối thủ như Trung Quốc, Thái Lan và Indonesia trong một thị trường Philippines ngày càng mở cửa.

Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa đầu tư thỏa đáng vào mạng lưới phân phối, dùng thử sản phẩm, xúc tiến thương mại hoặc tương tác trực tiếp với khách hàng. Việc hạn chế trong đổi mới sản phẩm để phù hợp với khẩu vị địa phương cũng làm giảm khả năng tạo sự khác biệt.

Hơn nữa, chi phí cao liên quan đến việc thâm nhập vào hệ thống bán lẻ, xây dựng sự hiện diện thương hiệu và tuân thủ các quy trình đăng ký an toàn thực phẩm kéo dài tiếp tục tạo ra những rào cản đáng kể.

"Để giải quyết các thách thức này, Thương vụ Việt Nam tại Philippines đang đẩy mạnh nỗ lực kết nối các nhà xuất khẩu trong nước với các nhà nhập khẩu và phân phối địa phương, tạo điều kiện trưng bày sản phẩm và hỗ trợ tham gia các hội chợ thương mại như WorldBex, dự kiến diễn ra vào tháng 3 năm 2026 tại Manila," ông Cường nói.

Từ góc độ của Thái Lan, ông Lê Hữu Phúc, Tham tán Thương mại tại Thương vụ Việt Nam tại Thái Lan, lưu ý rằng sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng năng lượng và các hạn chế đối với các chuyến bay qua Trung Đông đang gây áp lực lên tiêu dùng và du lịch của Thái Lan. Những yếu tố này đang gây ra những hệ lụy ngắn hạn đối với xuất khẩu của Việt Nam, đòi hỏi các doanh nghiệp phải theo dõi sát sao diễn biến thị trường và điều chỉnh chiến lược sản phẩm một cách linh hoạt hơn.

PHỤ LỤC 1.2

Biến động địa chính trị được coi là rủi ro lớn nhất đối với tăng trưởng kinh doanh tại Việt Nam năm 2026: Khảo sát

Căng thẳng địa chính trị được coi là mối đe dọa lớn nhất đối với sự tăng trưởng của các doanh nghiệp tại Việt Nam trong năm nay, theo một khảo sát được công bố cùng với bảng xếp hạng FAST500 năm 2026 của đơn vị nghiên cứu trong nước Vietnam Report.

Khoảng 74,1% doanh nghiệp được khảo sát cho biết sự bất ổn địa chính trị và căng thẳng thương mại có thể làm chệch hướng các kế hoạch tăng trưởng trong năm 2026, phản ánh mức độ nhạy cảm của nền kinh tế định hướng xuất khẩu của Việt Nam trước những thay đổi của môi trường toàn cầu.

Kết quả này được công bố khi Vietnam Report ra mắt danh sách FAST500 - top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất.

Dữ liệu từ bảng xếp hạng cho thấy các doanh nghiệp trong danh sách đã đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu kép hàng năm (CAGR) trung bình là 23,5% trong giai đoạn 2021–2024, cho thấy sự phục hồi khiêm tốn sau vài năm chịu áp lực từ biến động kinh tế và nhu cầu thị trường yếu hơn.

Các công ty tư nhân tiếp tục dẫn đầu tăng trưởng với CAGR doanh thu trung bình là 24,1%, tăng 0,6 điểm phần trăm so với một năm trước đó. Kết quả này làm nổi bật tính linh hoạt của các doanh nghiệp trong nước trong việc thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh.

Các doanh nghiệp nhà nước theo sau với tốc độ tăng trưởng trung bình là 23,7%, cải thiện mạnh mẽ ở mức 6,2 điểm phần trăm so với năm trước. Sự gia tăng này phản ánh một phần tiến triển trong nỗ lực tái cơ cấu và cải thiện hiệu quả quản lý trong khu vực nhà nước.

Các công ty có vốn đầu tư nước ngoài ghi nhận CAGR trung bình là 20,9%, tăng 3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù mức tăng trưởng của khu vực FDI vẫn thấp hơn so với các doanh nghiệp trong nước, nhưng sự cải thiện này cho thấy xu hướng phục hồi bất chấp những biến động của dòng vốn toàn cầu và các điều kiện thương mại.

Khảo sát cũng chỉ ra rằng mặc dù 63% doanh nghiệp đạt hoặc vượt chỉ tiêu trong năm ngoái, nhưng tỷ lệ các công ty không đạt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận đã tăng lên so với năm 2024. Các nhà phân tích cho rằng sự thay đổi này một phần do kỳ vọng tăng trưởng cao hơn sau một năm phục hồi mạnh mẽ, cũng như khoảng cách hiệu quả hoạt động ngày càng nới rộng giữa các công ty hoạt động trong cùng một môi trường kinh tế vĩ mô.

Bối cảnh kinh doanh của Việt Nam cũng chứng kiến sự sàng lọc mạnh mẽ hơn. Khoảng 297.500 doanh nghiệp đã gia nhập hoặc quay trở lại hoạt động trong năm, trong khi hơn 227.200 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 15% so với năm 2024. Xu hướng kép này cho thấy sự tăng trưởng đang trở nên không đồng đều, đi kèm áp lực cạnh tranh mạnh mẽ hơn.

Rủi ro địa chính trị ngày càng trở thành một yếu tố mang tính cấu trúc trong việc lập kế hoạch kinh doanh thay vì chỉ là một cú sốc tạm thời. Trong một nền kinh tế hội nhập sâu rộng như Việt Nam, sự bất ổn toàn cầu có thể nhanh chóng tác động đến các công ty thông qua đơn hàng xuất khẩu, chi phí logistics, dòng vốn và tỷ giá hối đoái. Ví dụ, căng thẳng ở Trung Đông đã cho thấy các diễn biến địa chính trị có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường năng lượng, chuỗi cung ứng và tâm lý nhà đầu tư như thế nào.

Thách thức lớn thứ hai được các doanh nghiệp trích dẫn là sự biến động của giá năng lượng và nguyên liệu thô, được 70,4% số người phản hồi lựa chọn. Chi phí đầu vào tăng cao vẫn là mối lo ngại lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam, nhiều đơn vị trong số đó hoạt động với biên lợi nhuận tương đối mỏng, nghĩa là ngay cả những biến động giá nhỏ cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sinh lời.

Áp lực pháp lý và việc tuân thủ các quy định mới cũng được xác định là những thách thức đáng chú ý, với khoảng một phần ba số công ty nhấn mạnh các thay đổi về quy định là mối quan tâm chính. Mặc dù Việt Nam đã và đang cập nhật khung pháp lý để cải thiện môi trường kinh doanh, nhưng độ trễ giữa việc ban hành luật và các hướng dẫn thực hiện chi tiết có thể tạo ra những khó khăn trong việc điều chỉnh cho các công ty.

Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp đang điều chỉnh chiến lược tăng trưởng của mình. Khoảng 64,3% doanh nghiệp cho biết ưu tiên hàng đầu trong năm 2026 là duy trì sự tăng trưởng ổn định đồng thời tối ưu hóa hiệu quả vận hành.

Khảo sát cũng cho thấy các công ty kỳ vọng trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ định hình lại đáng kể một số lĩnh vực trong năm tới. Dịch vụ tài chính và ngân hàng được xác định là những ngành dễ bị tác động nhất bởi AI, với 40,7% số người phản hồi kỳ vọng sẽ có tác động mạnh mẽ và 19,4% tin rằng công nghệ này có thể thay đổi căn bản cách thức vận hành của ngành.

PHỤ LỤC 1.3

Giá đầu vào sản xuất tại các thị trường mới nổi tăng mạnh do chiến tranh ở Trung Đông

Các nền kinh tế thị trường mới nổi đã ghi nhận chi phí sản xuất tăng vọt trong tháng 3, khi chiến tranh bùng nổ tại Trung Đông dẫn đến sự gia tăng trên diện rộng của giá nhiên liệu, vận tải và các hàng hóa khác, cũng như sự tăng giá của các

mặt hàng nhập khẩu tính bằng đồng đô la Mỹ. Dữ liệu PMI mới nhất cho thấy nhìn chung giá đầu vào sản xuất tại các thị trường mới nổi đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần 4 năm qua, với mức tăng tốc rõ rệt được quan sát thấy ở các khu vực thuộc Mỹ Latinh và Trung Mỹ, Đông Nam Á và Trung Âu.

Áp lực chi phí sản xuất tại các thị trường mới nổi gia tăng trong tháng 3

Chỉ số Giá đầu vào PMI Ngành Sản xuất tại các Thị trường Mới nổi (đã điều chỉnh theo mùa) tăng mạnh trong tháng 3, chạm mức cao nhất kể từ tháng 6 năm 2022 và báo hiệu sự gia tăng đáng kể của chi phí đầu vào trên khắp các nền kinh tế mới nổi toàn cầu. Mặc dù tốc độ lạm phát ít gay gắt hơn so với các thị trường phát triển, nhưng sự gia tăng áp lực giá so với tháng 2 cũng có độ dốc tương tự.

Trong số 16 nền kinh tế thị trường mới nổi có dữ liệu PMI ngành sản xuất, 14 quốc gia báo cáo lạm phát giá đầu vào gia tăng trong tháng 3. Một số quốc gia có mức tăng chi phí đầu vào tổng thể nhanh nhất được ghi nhận tại các nền kinh tế Mỹ Latinh và Trung Mỹ như Brazil và Mexico, nhưng các chỉ số về Giá đầu vào cũng tăng mạnh tại các nước Trung Âu và Đông Nam Á, bao gồm Việt Nam, Cộng hòa Séc, Ba Lan và Philippines.

Phân tích đánh giá làm nổi bật tác động của chiến tranh đối với phía cung

Việc phân tích dữ liệu định tính do các thành viên tham gia khảo sát PMI toàn cầu cung cấp giúp chúng ta hiểu được mức độ tác động của cuộc xung đột Trung Đông đối với các điều kiện kinh tế trong tháng 3. Các ý kiến cho thấy các nhà sản xuất phải đối mặt với việc tăng chi phí của nhiều mặt hàng, chủ yếu là dầu mỏ, cũng như các nguyên liệu đầu vào thâm dụng dầu mỏ như nhiên liệu, nhựa và cao su. Tình trạng tắc nghẽn vận tải biển cũng dẫn đến việc một số nhà sản xuất phải đối mặt với giá cước vận tải cao hơn, cũng như sự chậm trễ trong việc giao hàng đầu vào.

Các nhà sản xuất tại hầu hết các thị trường mới nổi được khảo sát nhận định rằng chiến tranh ở Trung Đông đã tác động trực tiếp đến cả chi phí đầu vào tổng thể và thời gian giao hàng của nhà cung cấp. Các nhà sản xuất tại Malaysia là nhóm có xu hướng liên kết chặt chẽ nhất giữa việc tăng chi phí và sự chậm trễ của nhà cung cấp với cuộc xung đột. Tại đây, dữ liệu PMI báo hiệu sự sụt giảm nghiêm trọng nhất về thời gian giao hàng của nhà cung cấp kể từ tháng 5 năm 2022, trong khi áp lực chi phí cũng tăng tốc và tâm lý kinh doanh yếu đi.

Bên cạnh tác động trực tiếp của chiến tranh, các báo cáo khảo sát thực tế cho thấy các nhà sản xuất tại thị trường mới nổi cũng chịu ảnh hưởng bởi sự lên giá của đồng đô la Mỹ. Kể từ khi chiến tranh Trung Đông bắt đầu, đồng đô la đã tăng giá so với rổ tiền tệ của các thị trường mới nổi khi rủi ro nhà đầu tư tăng cao trên thị trường tài chính toàn cầu đã thúc đẩy xu hướng tìm kiếm các tài sản trú ẩn an toàn. Điều này khiến các nhà sản xuất chứng kiến giá các mặt hàng nhập khẩu – thường được định giá bằng đô la Mỹ – tăng lên kể từ tháng 2.

Chi phí sản xuất tăng tác động đến giá đầu ra

Chỉ số Giá đầu ra PMI Ngành Sản xuất tại các Thị trường Mới nổi (đã điều chỉnh theo mùa) cũng tăng trong tháng 3, cho thấy các nhà sản xuất đã quyết liệt hơn trong việc định giá khi họ nỗ lực chuyển phần chi phí đầu vào tăng thêm sang cho khách hàng. Mức tăng giá tại xưởng nhìn chung là rõ rệt nhất trong gần 4 năm qua, mặc dù vẫn ít hơn so với mức tăng tương đương tại các thị trường phát triển.

Những diễn biến này tạo ra rủi ro lạm phát gia tăng mới tại các thị trường mới nổi, vì việc tăng giá hàng hóa sản xuất có khả năng lan tỏa sang các thị trường hạ nguồn và giá tiêu dùng. Ví dụ, tại Brazil, nơi các nhà sản xuất tăng giá bán với tốc độ nhanh hơn nhiều so với tháng 2, dữ liệu PMI cho thấy áp lực chi phí trong toàn bộ nền kinh tế dịch vụ cũng đang tăng tốc mạnh mẽ. Trong khi người tiêu dùng đã cảm nhận được ảnh hưởng của chiến tranh Trung Đông đối với chi phí đi lại, dữ liệu cho thấy có thể không lâu nữa giá của các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác cũng sẽ bắt đầu tăng.

PHỤ LỤC 1.4

Thị trường du lịch y tế Việt Nam năm 2026: Chiến lược thâm nhập thị trường và Triển vọng đầu tư

Lĩnh vực du lịch y tế của Việt Nam đang thu hút sự quan tâm như một lựa chọn thay thế có chi phí cạnh tranh tại Châu Á, được hỗ trợ bởi các tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe đang cải thiện, cơ sở hạ tầng du lịch mở rộng và các chính sách chủ động từ chính phủ. Với doanh thu thị trường dự kiến tiếp cận mức 4 tỷ USD vào năm 2033, ngành công nghiệp này mang lại cơ hội tăng trưởng cao ở giai đoạn đầu cho các nhà đầu tư.

Trong những năm gần đây, du lịch y tế đã trở nên phổ biến khi ngày càng có nhiều người lựa chọn tiếp nhận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở nước ngoài, thường kết hợp với các hoạt động giải trí hoặc tham quan. Với nhu cầu ngày càng tăng, Việt Nam đang trở thành một điểm đến đầy hứa hẹn trong lĩnh vực này. Quốc gia này hưởng lợi từ ba lợi thế chính: giá cả phải chăng, tiêu chuẩn y tế được nâng cao và sự hỗ trợ tích cực từ chính phủ. Ngoài ra, các điểm thu hút du lịch đa dạng, bao gồm các bãi biển và di sản văn hóa, cũng góp phần làm tăng sức hấp dẫn.

Bài viết này xem xét thị trường du lịch y tế Việt Nam dưới góc độ nhà đầu tư, đồng thời xác định các động lực tăng trưởng chính, lợi thế cạnh tranh, hỗ trợ chính sách, các cơ hội khả thi và những rủi ro cần lưu ý.

Tổng quan thị trường du lịch y tế Việt Nam

Thị trường du lịch y tế Việt Nam đang tăng trưởng ổn định. Thị trường được định giá khoảng 700 triệu USD vào năm 2024 và dự kiến đạt gần 4 tỷ USD vào năm 2033, phản ánh tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 18%.

Các động lực tăng trưởng chính bao gồm nhu cầu ngày càng tăng về chăm sóc sức khỏe với chi phí hợp lý trên khắp Châu Á, sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và sự phục hồi của du lịch quốc tế sau đại dịch. Khả năng quản lý chi phí y tế hiệu quả của Việt Nam trong khi vẫn nâng cao chất lượng dịch vụ mang lại lợi thế chiến lược trong việc thu hút du khách tìm kiếm các lựa chọn tiết kiệm.

Doanh thu du lịch y tế đã vượt mức 850 triệu USD vào năm 2025, duy trì mức tăng trưởng hàng năm 18%. Mặc dù quỹ đạo này đại diện cho một cơ hội thâm nhập sớm rõ rệt, nhưng cơ sở doanh thu hiện tại vẫn còn tương đối nhỏ.

Tốc độ tăng trưởng cao cho thấy những người tiên phong thâm nhập sớm có thể chiếm lĩnh thị phần trước khi các đối thủ lớn trong khu vực mở rộng sang Việt Nam. Tuy nhiên, sự đánh đổi là rủi ro triển khai cao hơn do cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện và những bất ổn về quy định. Các nhà đầu tư với tầm nhìn từ ba đến năm năm có thể thấy sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận này là hấp dẫn.

So sánh Việt Nam với các đối thủ trong khu vực

Việt Nam đang định vị mình trong bức tranh du lịch y tế khu vực bên cạnh các trung tâm đã thành lập như Thái Lan, Singapore và Malaysia — vốn khác biệt về cấu trúc chi phí, chất lượng dịch vụ và mức độ công nhận quốc tế.

Thay vì theo đuổi sự khác biệt thông qua thương hiệu hay công nghệ y tế cao cấp, giá trị cốt lõi của Việt Nam dựa trên hiệu quả chi phí và khả năng tiếp cận. Quốc gia này cung cấp dịch vụ chăm sóc chất lượng với mức giá thấp hơn đáng kể, đồng thời tích hợp việc điều trị với các sản phẩm du lịch sẵn có.

Đối với các nhà đầu tư, điều này nhấn mạnh các cơ hội trong các phân khúc nhạy cảm về giá như phẫu thuật tự chọn, dịch vụ nha khoa và kiểm tra sức khỏe tổng quát, bên cạnh việc phát triển các mô hình dịch vụ tích hợp thông qua quan hệ đối tác với các đơn vị cung cấp dịch vụ lưu trú và điều hành tour.

Hỗ trợ của chính phủ và định hướng chính sách

Việt Nam đang ngày càng định vị du lịch y tế là một ngành tăng trưởng chiến lược, được hỗ trợ bởi một loạt các sáng kiến cấp quốc gia nhằm tăng cường sự phối hợp, cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao khả năng tiếp cận quốc tế.

Các nhà hoạch định chính sách đang nỗ lực điều chỉnh sự phát triển y tế phù hợp với xúc tiến du lịch, phản ánh tham vọng rộng lớn hơn nhằm đưa Việt Nam trở thành một điểm đến trong khu vực về chăm sóc y tế chất lượng cao với chi phí hợp lý.

- **Chiến lược phát triển tích hợp y tế - du lịch:** Vào năm 2025, chính phủ đã công bố kế hoạch quốc gia về tích hợp chăm sóc sức khỏe, du lịch và nghỉ dưỡng dưỡng sinh (wellness) vào một hệ sinh thái thống nhất, báo hiệu sự chuyển dịch sang phát triển ngành có sự phối hợp chặt chẽ hơn. Sáng kiến này nhằm kết nối các bệnh viện, dịch vụ lưu trú và các đơn vị cung cấp dịch vụ dưỡng sinh để tạo ra hành trình bệnh nhân liền mạch, đồng thời tận dụng các thế mạnh sẵn có của Việt Nam về lòng hiếu khách và sự đa dạng điểm đến.
- **Phối hợp và xúc tiến ngành:** Để hỗ trợ triển khai, Liên minh Du lịch Y tế Việt Nam đã được thành lập nhằm tập hợp các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế, các nhà điều hành du lịch và các nhà hoạch định chính sách trên một nền tảng duy nhất. Liên minh được kỳ vọng sẽ đóng vai trò then chốt trong việc quảng bá các dịch vụ y tế của Việt Nam ra quốc tế và cải thiện các tiêu chuẩn ngành thông qua hợp tác.
- **Tạo thuận lợi về thị thực và khả năng tiếp cận thị trường:** Việt Nam cũng đã thực hiện các bước để cải thiện khả năng tiếp cận cho bệnh nhân nước ngoài thông qua tự do hóa thị thực. Quốc gia này áp dụng chính sách miễn thị thực cho một số quốc tịch nhất định và hệ thống thị thực điện tử (e-visa) tinh giản bao phủ nhiều thị trường, giúp giảm bớt các rào cản hành chính cho việc đi lại khám chữa bệnh ngắn hạn.
- **Nâng cấp chất lượng và chứng nhận quốc tế:** Về mặt chất lượng, chính phủ đã đặt mục tiêu ít nhất 15 bệnh viện, bao gồm 5 cơ sở công lập, đạt được các tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế như của Joint Commission International (JCI) hoặc tương đương vào năm 2030. Điều này phù hợp với những nỗ lực rộng lớn hơn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng lòng tin quốc tế đối với hệ thống y tế Việt Nam.

Mặc dù các sáng kiến này phản ánh ý chí chính sách mạnh mẽ, nhưng việc triển khai vẫn chưa đồng đều giữa các tỉnh thành, với sự khác biệt về cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ và năng lực tổ chức. Do đó, các nhà đầu tư được khuyến nghị nên theo dõi sát sao việc thực thi ở cấp địa phương và đánh giá tính khả thi của dự án dựa trên quá trình triển khai thực tế thay vì chỉ dựa vào các thông báo chính sách.

Cơ hội cho các nhà đầu tư

Mặc dù lĩnh vực này vẫn đang ở giai đoạn phát triển ban đầu, nhưng nó mang lại nhiều điểm thâm nhập cho các nhà đầu tư với các hồ sơ rủi ro và vốn khác nhau.

• Các phân khúc đầu tư ưu tiên

Các cơ hội trực diện nhất nằm ở các mô hình dịch vụ có khả năng mở rộng quy mô với yêu cầu vốn tương đối thấp. Các chuỗi phòng khám nha khoa tại các điểm đến du lịch trọng điểm như Đà Nẵng, Nha Trang và Phú Quốc đem lại khả năng thu hồi vốn nhanh, nhờ nhu cầu mạnh mẽ và bối cảnh cạnh tranh còn phân mảnh. Sự khác biệt hóa thông qua các dịch vụ chuyên sâu hoặc hỗ trợ bệnh nhân quốc tế vẫn là yếu tố then chốt để thành công.

Dịch vụ hỗ trợ du lịch y tế đại diện cho một điểm thâm nhập để tiếp cận khác, thường chỉ yêu cầu đầu tư ban đầu hạn chế tập trung vào nền tảng số và mạng lưới đối tác. Tuy nhiên, rào cản gia nhập thấp dẫn đến thị trường khá đông đúc, khiến quy mô và mức độ nhận diện thương hiệu trở thành các yếu tố cạnh tranh then chốt.

Ở phân khúc cao cấp hơn, các khu nghỉ dưỡng dưỡng sinh tích hợp trung tâm kiểm tra y tế tại chỗ phù hợp với các ưu tiên phát triển du lịch của chính phủ. Mặc dù thâm dụng vốn, các dự án này được hưởng lợi từ sự cộng hưởng giữa y tế và dịch vụ lưu trú, dù nhà đầu tư nên tính toán đến thời gian hoàn vốn dài hơn và quy trình cấp phép dịch vụ y tế có thể phức tạp.

- **Các lựa chọn dài hạn, rủi ro cao**

Phát triển bệnh viện mới (greenfield) vẫn là phân khúc thâm dụng vốn và bị kiểm soát chặt chẽ nhất, với thời gian chờ phê duyệt và thu hồi vốn kéo dài. Đối với hầu hết các nhà đầu tư, đặc biệt là những bên mới gia nhập thị trường, các liên doanh với các đơn vị cung cấp y tế nội địa đã có uy tín sẽ là lộ trình thực tế hơn, giúp giảm bớt cả rủi ro vận hành và rủi ro pháp lý.

Các rủi ro chính và cân nhắc thị trường

Bất chấp tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ, một số thách thức mang tính cấu trúc vẫn tồn tại. Việt Nam hoạt động trong một bối cảnh khu vực bao gồm các thị trường du lịch y tế trưởng thành hơn như Thái Lan và Singapore, vốn được hưởng lợi từ danh tiếng lâu đời và mạng lưới bệnh nhân quốc tế sâu rộng.

Trong nước, các khoảng cách về khung pháp lý vẫn còn, đặc biệt là xung quanh trách nhiệm pháp lý y tế và khuôn khổ bảo hiểm, cũng như sự chênh lệch cơ sở hạ tầng giữa các thành phố lớn và các điểm đến thứ cấp. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến tính nhất quán của dịch vụ và niềm tin của nhà đầu tư.

Triển vọng chiến lược

Việt Nam đại diện cho một điểm đến đầy triển vọng nhưng vẫn đang trong quá trình trưởng thành của du lịch y tế. Những người gia nhập sớm có thể hưởng lợi từ lợi thế của người tiên phong khi thị trường phát triển, đặc biệt là trong các phân khúc ngách chưa được khai thác. Tuy nhiên, đầu tư thành công sẽ phụ thuộc vào việc thẩm định kỹ lưỡng, quan hệ đối tác địa phương vững chắc và theo dõi sát sao việc thực thi chính sách để thích ứng với các điều kiện thị trường và quy định đang thay đổi.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1

Global Gateway tại Việt Nam: Cao ủy Sikela thúc đẩy đầu tư châu Âu với trọng tâm mới vào giao thông vận tải

Cao ủy Liên minh Châu Âu (EU) về Đối tác Quốc tế, ông Jozef Sikela, đã kết thúc chuyến thăm Hà Nội, dẫn đầu phái đoàn các công ty châu Âu nhằm thúc đẩy đầu tư của EU vào Việt Nam. Dựa trên quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện vừa được nâng cấp, Cao ủy Sikela đã thông báo trong sứ mệnh của mình rằng Liên minh Châu Âu và Việt Nam sẽ đầu tư hơn 560 triệu Euro vào giao thông bền vững và năng lượng sạch để tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững đồng thời giảm thiểu ô nhiễm, phù hợp với chiến lược Global Gateway (Cửa ngõ Toàn cầu) của EU. Đối với Việt Nam, điều này có nghĩa là cơ sở hạ tầng hiện đại, năng lượng đáng tin cậy và việc làm mới. Đối với châu Âu, điều đó có nghĩa là các mối quan hệ đối tác bền chặt hơn, thị trường mới và chuỗi cung ứng linh hoạt hơn. Cao ủy đã công bố gói đầu tư này tại Diễn đàn Doanh nghiệp và Đầu tư Global Gateway EU-Việt Nam mà ông khai mạc cùng với Phó Chủ tịch Ngân hàng Đầu tư Châu Âu, bà Nicola Beer.

Cao ủy Sikela phát biểu: “Gói đầu tư 560 triệu Euro cho thấy mối quan hệ đối tác giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam đang mang lại những kết quả quan trọng: tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn giảm thiểu ô nhiễm. Chúng tôi cùng với các công ty châu Âu và Việt Nam đầu tư vào giao thông hiện đại, bền vững và năng lượng sạch. Đây là cách Global Gateway chuyển hóa quan hệ đối tác thành kết quả thực tế: một hệ thống năng lượng sạch hơn và kết nối giao thông dễ dàng hơn cho Việt Nam, các cơ hội mới và một nền kinh tế linh hoạt hơn cho châu Âu.”

Chuyến thăm của Cao ủy tới Việt Nam diễn ra vào một thời điểm quan trọng, sau khi quan hệ EU-Việt Nam chính thức được nâng cấp lên Đối tác Chiến lược Toàn diện. Trọng tâm hiện nay là chuyển hóa mối quan hệ này thành các dự án cụ thể và cơ hội kinh doanh:

Giao thông bền vững

Công cụ Giao thông Bền vững (Sustainable Transport Facility) trị giá 40 triệu Euro do EU khởi xướng sẽ hỗ trợ Việt Nam thúc đẩy các kế hoạch đầu tư giao thông công cộng quy mô lớn trong những năm tới. Công cụ này sẽ cung cấp chuyên môn, công nghệ và bí quyết của châu Âu. Mục tiêu là phát triển ít nhất 4 dự án cơ sở hạ tầng công cộng quy mô lớn trên toàn quốc hoặc tại các thành phố lớn, chủ yếu dành cho đường sắt, chẳng hạn như dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh, cũng như đường thủy nội địa và di động đô thị. Sáng kiến này dự kiến sẽ huy động hơn 1 tỷ Euro vốn vay ưu đãi từ các Ngân hàng Phát triển Châu Âu và có sự tham gia của khu vực tư nhân châu Âu.

Liên minh Châu Âu đã hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực giao thông hiện đại, tiêu biểu là việc xây dựng đoạn kéo dài của Tuyến Metro số 3 Hà Nội, nhằm giúp giảm ùn tắc và cải thiện khả năng di chuyển cho người dân. Ngoài ra, các công ty châu Âu sẽ hỗ trợ việc phát triển cảng container Liên Chiểu tại Đà Nẵng trong thời gian tới.

Năng lượng sạch

Với tư cách là thành viên dẫn đầu của Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP), EU hỗ trợ Việt Nam tăng trưởng kinh tế ít phát thải carbon một cách mạnh mẽ.

Các Ngân hàng Phát triển Châu Âu đã ký kết các thỏa thuận vay vốn tổng trị giá 230 triệu Euro để hỗ trợ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho dự án Bắc Ái, nhà máy thủy điện tích năng đầu tiên của Việt Nam. Nhà máy sẽ hoạt động như một viên pin khổng lồ cho lưới điện, lưu trữ năng lượng khi dồi dào và giải phóng khi cần thiết nhất, cung cấp nguồn điện sạch và tin cậy cho cộng đồng. Khoản đầu tư đã ký kết là một phần của gói hỗ trợ toàn diện trị giá gần 400 triệu Euro được thực hiện theo cách tiếp cận Team Europe (Nhóm Châu Âu), quy tụ Ủy ban Châu Âu, AFD (Cơ quan Phát triển Pháp), PROPARGO, Cassa Depositi e Prestiti (định chế thúc đẩy quốc gia của Ý), Ngân hàng Đầu tư Châu Âu và KfW (Ngân hàng phát triển Đức).

EU cũng đang làm việc với Việt Nam theo các sáng kiến hợp tác khu vực như Lưới điện ASEAN nhằm thúc đẩy khả năng phục hồi năng lượng trên khắp Đông Nam Á.

Các thông báo bổ sung bao gồm:

- Khoản bổ sung 23 triệu Euro cho Công cụ Chuyển đổi Năng lượng để thúc đẩy đầu tư vào năng lượng sạch, chia sẻ chuyên môn, công nghệ và bí quyết của châu Âu;
- Chương trình quản lý rừng bền vững trị giá 20 triệu Euro;
- Chương trình trị giá 50 triệu Euro phối hợp với Đức và Pháp nhằm phát triển các trung tâm đào tạo nghề xuất sắc, tăng cường kỹ năng xanh và kỹ năng số cho người dân Việt Nam để đáp ứng các công việc hiện nay.

Các thỏa thuận kinh doanh và đầu tư

Diễn đàn Doanh nghiệp và Đầu tư Global Gateway EU-Việt Nam đã chứng kiến một số thỏa thuận giữa các doanh nghiệp châu Âu và Việt Nam được công bố, với tổng vốn đầu tư trong các lĩnh vực giao thông và kết nối, logistics, y tế số và phát triển công nghiệp.

Ngoài ra, Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB) Toàn cầu và ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam Techcombank đã công bố thỏa thuận tài trợ trị giá 200 triệu Euro để hỗ trợ các dự án của khu vực tư nhân Việt Nam, đặc biệt là về điện mặt trời, điện gió, cải thiện hiệu quả năng lượng và di chuyển điện.

Diễn đàn đã quy tụ các công ty từ châu Âu và Việt Nam, các nhà đầu tư và đối tác công để khởi động các khoản đầu tư mới vào năng lượng sạch và giao thông bền vững.

Tại Hà Nội, Cao ủy đã gặp gỡ các đối tác chính trị cấp cao, bao gồm Phó Thủ tướng Việt Nam Bùi Thanh Sơn; Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Lê Hoài Trung; Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương Trần Đức Thắng; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Xuân Dũng.

PHỤ LỤC 2.2

“Khoảnh khắc Ukraine của Châu Á”: Chiến tranh Iran có thể đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang năng lượng tái tạo như thế nào

Các nhà phân tích chia sẻ với CNBC rằng hệ lụy từ cuộc chiến tại Iran có khả năng sẽ thúc đẩy quá trình rời bỏ nhiên liệu hóa thạch và khiến các quốc gia có cái nhìn khác về vai trò của năng lượng tái tạo trong việc củng cố an ninh năng lượng.

Cuộc khủng hoảng Trung Đông đã làm gián đoạn nghiêm trọng hoạt động xuất khẩu dầu qua eo biển Hormuz có vị trí chiến lược quan trọng — nơi thường xuyên vận chuyển khoảng một phần năm lượng dầu và khí hóa lỏng (LNG) của thế giới, đồng cũng là điểm nghẽn then chốt đối với thương mại phân bón.

Sự kiện này đã làm sáng tỏ mức độ phụ thuộc sâu sắc của thế giới vào các tuyến thương mại nhiên liệu hóa thạch mong manh, trong khi giá dầu và khí đốt tăng vọt đã làm chấn động thị trường năng lượng và làm dấy lên lo ngại về lạm phát trên diện rộng.

Sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu khiến Châu Á hiện đang đứng ở "đầu sóng ngọn gió" của cuộc khủng hoảng nhiên liệu hóa thạch toàn cầu, nhưng sự gián đoạn nguồn cung cũng đang tác động mạnh mẽ đến Châu Âu và Châu Phi, nơi các quốc gia đang phải ứng phó với chi phí nhiên liệu tăng cao và mối đe dọa đáng kể đối với an ninh lương thực.

Người đứng đầu Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết quá trình chuyển dịch năng lượng đã diễn ra "rất mạnh mẽ" trước khi chiến tranh Iran bắt đầu — nhưng hệ lụy từ cú sốc năng lượng này có nghĩa là các quốc gia có thể sẽ hướng nhiều khoản đầu tư hơn nữa vào các nguồn năng lượng sạch.

"Tôi kỳ vọng một trong những phản ứng đối với cuộc khủng hoảng này sẽ là sự tăng tốc của năng lượng tái tạo. Không chỉ vì chúng giúp giảm phát thải mà còn vì đó là nguồn năng lượng nội địa tự cung tự cấp," Giám đốc điều hành IEA Fatih Birol phát biểu tại Câu lạc bộ Báo chí Quốc gia ở thủ đô của Úc vào thứ Hai.

Ông Birol cho biết các nguồn năng lượng sạch đã chiếm ưu thế trong các cơ sở điện mới lắp đặt vào năm ngoái, ví dụ, năng lượng tái tạo chiếm tới 85% tổng công suất điện mới trên toàn cầu, đồng thời dẫn chứng năng lượng mặt trời là động lực chính của xu hướng này.

"Thật kinh ngạc. Mười năm trước, năng lượng mặt trời là một câu chuyện lãng mạn — nhưng giờ đây, năng lượng mặt trời là một ngành kinh doanh," ông Birol nói.

Khoảnh khắc Ukraine của Châu Á?

Các nhà phân tích cho rằng một thành tố độc đáo trong hệ lụy từ chiến tranh Iran là, khác với các cú sốc dầu mỏ trước đây, năng lượng tái tạo hiện đã trở nên cạnh tranh hơn ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Tuy nhiên, theo IEA, nhiên liệu hóa thạch như than, dầu và khí đốt vẫn tiếp tục chiếm ưu thế trong cơ cấu năng lượng toàn cầu, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu toàn thế giới vào năm 2023.

“Cuộc khủng hoảng Iran đẩy nhanh sự chuyển dịch sang năng lượng tái tạo và điện khí hóa. Giá nhiên liệu hóa thạch cao thúc đẩy việc chuyển đổi, khiến các công nghệ điện (electrotech) vốn đã rẻ nay còn cạnh tranh hơn,” Sam Butler-Sloss, quản lý nghiên cứu tại tổ chức tư vấn năng lượng toàn cầu Ember, trao đổi với CNBC qua email.

“Trong thế giới nhiên liệu hóa thạch cũ, an ninh năng lượng có nghĩa là đa dạng hóa nguồn cung nhiên liệu. Với công nghệ điện, các quốc gia hiện có công cụ để ngày càng loại bỏ hoàn toàn nhiên liệu nhập khẩu.”

Theo phân tích của Ember công bố vào tháng 12, công nghệ điện — bao gồm năng lượng mặt trời, gió, pin và vận tải điện hóa, sưởi ấm và công nghiệp — đã trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng năng lượng toàn cầu vào năm ngoái. Xu hướng này được dẫn đầu bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc với tư cách là cái tên đầu tiên trên thế giới được gọi là “quốc gia điện hóa” (electrostate).

Ông Butler-Sloss cho biết việc áp dụng xe điện (EV) đã và đang tăng nhanh trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Châu Á, và cuộc khủng hoảng này tạo thêm động lực cho xu hướng đó. Ông ước tính việc mở rộng quy mô xe điện có thể giúp các nhà nhập khẩu tiết kiệm hơn 600 tỷ USD mỗi năm chi phí nhập khẩu dầu, mô tả sự chuyển đổi này như một “siêu đòn bẩy an ninh”.

“Đây là khoảnh khắc Ukraine của Châu Á. Theo cùng một cách mà Ukraine đã buộc Châu Âu phải cắt giảm sự phụ thuộc vào khí đốt, Hormuz sẽ thúc đẩy Châu Á cắt giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ — nhưng với công nghệ thậm chí còn rẻ hơn có sẵn,” ông Butler-Sloss nói.

Đầu tư vào lưới điện

Ana Maria Jaller-Makarewicz, chuyên gia phân tích năng lượng hàng đầu của nhóm Châu Âu tại Viện Kinh tế Năng lượng và Phân tích Tài chính (IEEFA), đã mô tả cú sốc năng lượng từ chiến tranh Iran là “một hồi chuông cảnh tỉnh” cho Liên minh Châu Âu.

Bà Jaller-Makarewicz cho biết Tây Ban Nha là một ví dụ điển hình về cách các quốc gia có thể hạn chế mức độ rủi ro trước biến động giá nhiên liệu hóa thạch.

Bà lưu ý rằng chính phủ Tây Ban Nha từng bị chỉ trích nặng nề sau một đợt mất điện thảm khốc vào năm ngoái mà một số nhà hoạch định chính sách đổ lỗi cho năng lượng tái tạo, nhưng giờ đây quốc gia này đang gặt hái thành quả từ việc đầu tư vào công nghệ gió và mặt trời.

Tây Ban Nha, cùng với Bồ Đào Nha và một số quốc gia Bắc Âu, nằm trong số những nước ghi nhận mức giá khí đốt thấp nhất trong khối 27 quốc gia kể từ khi xung đột Trung Đông bắt đầu.

“Điều chúng ta cần trên khắp Châu Âu là đầu tư vào lưới điện. Và bằng đầu tư vào lưới điện, tôi muốn nói đến việc hiện đại hóa và mở rộng lưới điện. Đối với tôi, bên chiến thắng chính là lưới điện Châu Âu,” bà Jaller-Makarewicz chia sẻ với CNBC qua cuộc gọi video.

Công cụ an ninh năng lượng

Tuy nhiên, dù cuộc khủng hoảng Iran được kỳ vọng rộng rãi sẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng trong trung và dài hạn, một số người cảnh báo rằng việc rời bỏ nhiên liệu hóa thạch có thể gặp trở ngại trong ngắn hạn.

Gonzalo Escribano, chuyên gia cấp cao về năng lượng và khí hậu của Viện Hoàng gia Elcano, một tổ chức tư vấn tại Madrid, đã dẫn chứng những áp lực buộc các nhà hoạch định chính sách phải trợ giá nhiên liệu hóa thạch tại các trạm xăng và khả năng than đá quay trở lại tạm thời ở một số quốc gia sản xuất nếu xung đột kéo dài.

Tuy nhiên, ông Escribano cho rằng cách các quốc gia nhìn nhận về năng lượng tái tạo đã thay đổi “một cách chắc chắn” sau cuộc xung đột. Việc xoay trục sang các nguồn năng lượng sạch giờ đây không nhất thiết được xem là hoạt động “sống xanh”, mà là một nỗ lực nhằm củng cố an ninh năng lượng nội địa.

“Năng lượng tái tạo và các công nghệ liên quan hiện thường được coi là một công cụ an ninh năng lượng, không còn chỉ là cách để chống ô nhiễm và biến đổi khí hậu, mà là một tài sản địa chính trị được hỗ trợ bởi chủ nghĩa thực dụng hơn là chủ nghĩa lý tưởng,” ông Escribano trao đổi với CNBC qua email.

PHỤ LỤC 2.3

Ngân hàng UOB cảnh báo căng thẳng Trung Đông là rủi ro đối với triển vọng năm 2026 của Việt Nam

Ngân hàng UOB (Singapore) cho biết nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng 7,83% trong quý 1 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước, vượt mức kỳ vọng nhờ hiệu suất mạnh mẽ của ngành sản xuất và xuất khẩu. Tuy nhiên, các rủi ro bên ngoài, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông, có thể gây áp lực lên triển vọng trong phần còn lại của năm.

Trong một báo cáo mới công bố, UOB dẫn số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy tăng trưởng quý 1 đã giảm nhẹ so với mức 8,46% của quý 4 năm 2025, nhưng vẫn cao hơn mức dự báo 7% của UOB và 7,6% của Bloomberg. Tăng trưởng tiếp

tục được dẫn dắt bởi các lĩnh vực then chốt bao gồm công nghiệp chế biến chế tạo, xây dựng và dịch vụ, được hỗ trợ bởi hoạt động xuất khẩu sôi động.

Sản lượng ngành chế tạo tăng hơn 9,7% so với cùng kỳ năm ngoái, gần sát mức tăng trưởng 10,6% của quý trước và cao hơn mức ghi nhận trong năm 2025, khẳng định vai trò tiếp tục là trụ cột chính của nền kinh tế.

Hoạt động thương mại vẫn duy trì đà mạnh mẽ trong quý 1, với kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 19% lên gần 123 tỷ USD. Mỹ vẫn giữ vững vị trí là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt gần 34 tỷ USD, tăng hơn 24% và chiếm khoảng 28% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trong khi đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đạt hơn 5,4 tỷ USD trong quý 1, tăng hơn 9%, phản ánh niềm tin bền vững của các nhà đầu tư nước ngoài đối với môi trường kinh doanh của Việt Nam.

UOB nhận định rằng dù nhu cầu bên ngoài và hoạt động sản xuất vẫn duy trì khả năng phục hồi trong đầu năm 2026, nhưng cú sốc năng lượng liên quan đến xung đột Trung Đông đang tạo ra áp lực ngắn hạn lên Việt Nam cũng như các nền kinh tế Châu Á khác.

PHỤ LỤC 2.4

Bảo hiểm cho tiến trình phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu

Ngân hàng Thế giới ước tính khoảng 300 tỷ USD tài sản thương mại và công nghiệp của Việt Nam đang nằm trong vùng dễ bị tổn thương trước các thảm họa liên quan đến khí hậu. Patrick Lenain, chuyên gia cao cấp tại Hội đồng Chính sách Kinh tế, xem xét những lỗ hổng trong bảo vệ bảo hiểm và cách xây dựng các giải pháp cho những khoảng trống đó.

Việt Nam có mức độ phơi nhiễm rất cao trước biến đổi khí hậu. Bão, mưa lớn, ngập lụt ven biển, xâm nhập mặn, nắng nóng gay gắt và hạn hán đang ngày càng trở nên thường xuyên và dữ dội hơn.

Các cộng đồng và doanh nghiệp đang phải đối mặt với những tổn thất kinh tế ngày càng tăng khi các hiện tượng thời tiết cực đoan này xảy ra. Nông dân là đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương vì phần lớn hoạt động nông nghiệp tập trung ở các vùng đồng bằng thấp, nơi thời tiết thay đổi đe dọa năng suất lúa, nuôi trồng thủy sản và cây trồng xuất khẩu.

Năm 2024, chỉ riêng cơn bão Yagi đã gây ra thiệt hại kinh tế 3,4 tỷ USD, trong khi chuỗi 21 cơn bão liên tiếp trong năm 2025 đã gây ra thiệt hại lên tới gần 4 tỷ USD.

Các xu hướng tương tự đang diễn ra trên khắp thế giới: bão thường xuyên và cường độ mạnh hơn ở Đông Nam Á, cháy rừng tàn khốc ở Hoa Kỳ và Úc, và lũ lụt đột ngột ở Châu Âu. Các nhà khoa học khí hậu và mô hình dự báo thời tiết dự đoán rằng tần suất các thảm họa này sẽ còn tăng cao hơn nữa.

Các chính sách đầy tham vọng nhằm giảm lượng khí thải carbon toàn cầu là điều cần thiết để hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, nhưng tác động của chúng chỉ rõ rệt sau nhiều thập kỷ. Các biện pháp thích ứng như xây dựng đê biển, phục hồi rừng ngập mặn và xanh hóa đô thị cũng đòi hỏi thời gian, kế hoạch và vốn đầu tư.

Trong thời gian đó, bảo hiểm có thể cung cấp các rào cản tài chính tức thời để giảm thiểu tác động của thời tiết cực đoan. Bằng cách huy động phí bảo hiểm và chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia, các công ty bảo hiểm có thể bồi thường cho những bên chịu tổn thất và chi phí tái thiết sau thảm họa.

Tuy nhiên, sự tăng nhanh chóng của các khoản chi trả liên quan đến khí hậu đang tạo áp lực lên ngành bảo hiểm. Theo Aon, tổn thất được bảo hiểm từ các thảm họa tự nhiên toàn cầu năm 2025 cao hơn 27% so với mức trung bình tính từ năm 2000.

Ngoài ra, các thảm họa khí hậu thường gây ra những tổn thất có mối tương quan cao, ví dụ như khi một cơn bão duy nhất gây ra lũ lụt trên diện rộng, khiến việc đa dạng hóa rủi ro trở nên khó khăn.

Các công ty bảo hiểm phản ứng bằng cách tăng phí, thu hẹp phạm vi bảo vệ hoặc rút khỏi các khu vực rủi ro cao. Mỗi doanh nghiệp phải bảo vệ khả năng thanh toán của chính mình, nhưng những điều chỉnh này khiến bảo hiểm ngày càng đắt đỏ hoặc không thể tiếp cận. Khi nguồn cung bảo hiểm thu hẹp, các hộ gia đình và doanh nghiệp bị bỏ lại trước những tổn thất tài chính tiềm tàng đầy thảm khốc.

Tại Việt Nam, sự hạn chế của các công ty bảo hiểm đối với các rủi ro cao còn đi kèm với nhu cầu yếu từ các chủ sở hữu tài sản, nhiều người trong số họ coi bảo hiểm là tốn kém hoặc không cần thiết. Kết quả là một khoảng trống bảo vệ lớn, với một tỷ lệ đáng kể bất động sản nhà ở và thương mại quy mô nhỏ không được bảo hiểm trước thiên tai.

Các giải pháp khả thi

Sự bảo vệ của bảo hiểm trong nông nghiệp cũng rất hạn chế: chỉ vài phần trăm diện tích trồng lúa được bảo hiểm. Ví dụ, sau bão Yagi, chỉ khoảng 10% khách hàng vay vốn tại các ngân hàng nông nghiệp lớn là có một hình thức bảo hiểm nào đó. Bất chấp trợ cấp của chính phủ lên đến 90% phí bảo hiểm cho các hộ nghèo, chỉ có vài nghìn nông dân cá thể trên toàn quốc tham gia các chương trình bảo hiểm. Khi thảm họa xảy ra, thiệt hại cuối cùng lại do chính nông dân và nguồn cứu trợ của chính phủ chi trả.

Những khoảng trống bảo vệ lớn trong bất động sản và nông nghiệp là một bất lợi. Đối với người thu nhập thấp, bảo hiểm có thể giúp các gia đình không rơi vào cảnh nghèo đói kéo dài sau thiên tai. Đối với tầng lớp trung lưu Việt Nam ngày càng lớn mạnh, sở hữu một hợp đồng bảo hiểm sẽ bảo vệ thu nhập, sự an sinh và tương lai tài chính của họ khi thảm họa xảy ra.

Giải pháp đầu tiên là bảo hiểm chỉ số (parametric insurance). Các hộ gia đình và doanh nghiệp thường do dự mua bảo hiểm vì họ lo ngại sự chậm trễ kéo dài và các khoản chi trả không chắc chắn sau sự kiện. Đây là một nút thắt quan trọng tại các vùng nông nghiệp hay gặp thiên tai của Việt Nam.

Bảo hiểm chỉ số giải quyết vấn đề này bằng cách kích hoạt chi trả tự động dựa trên các dữ liệu khách quan, chẳng hạn như mức lượng mưa hoặc tốc độ gió đạt đến một ngưỡng cụ thể. Điều này cung cấp tính thanh khoản tức thì, cho phép các doanh nghiệp và nông dân phục hồi trước khi một tổn thất tạm thời trở thành tình trạng phá sản vĩnh viễn.

Ấn Độ đã thành công với chương trình bảo hiểm cây trồng dựa trên thời tiết được tái cấu trúc, sử dụng mạng lưới các trạm thời tiết để kích hoạt chi trả. Tại Việt Nam, một chương trình thí điểm cho nông dân trồng cà phê ở Tây Nguyên gần đây đã thực hiện các khoản chi trả đầu tiên bằng cách sử dụng các chỉ số kích hoạt dựa trên vệ tinh tương tự.

Thứ hai là bảo hiểm công bắt buộc. Khi sự tham gia tự nguyện ở mức thấp do thiếu nhận thức, chính phủ có thể can thiệp bằng cách yêu cầu tham gia bắt buộc trong các lĩnh vực rủi ro cao. Bằng cách tập hợp phần lớn dân cư hoặc ngành nghề, quy luật số lớn sẽ làm giảm phí bảo hiểm và đảm bảo rằng nhà nước không phải là bên duy nhất gánh chịu chi phí tái thiết. Thổ Nhĩ Kỳ đã thành lập Quỹ Bảo hiểm Thảm họa sau trận động đất Marmara năm 1999 và bắt buộc bảo hiểm động đất cho tất cả các đơn vị nhà ở.

Tại Châu Âu, các chương trình do chính phủ tài trợ cung cấp một mức bảo vệ thường trực trước các rủi ro khí hậu đang gia tăng. Hệ thống CatNat của Pháp, thành lập năm 1982, được xây dựng trên sự đoàn kết quốc gia; nó bắt buộc một khoản "phụ phí thiên tai" trên mỗi đơn bảo hiểm tài sản để chi trả cho các rủi ro quy mô lớn như lũ lụt và hạn hán.

Thứ ba là bảo hiểm vi mô. Việc thiếu bảo hiểm có thể xảy ra vì người dân không đủ khả năng trả phí. Bảo hiểm vi mô cung cấp các hợp đồng với mức phí thấp và các điều khoản đơn giản, được thiết kế riêng cho các hộ gia đình thu nhập thấp và doanh nghiệp nhỏ.

Các sản phẩm này thường được kết hợp với các dịch vụ khác như gói cước điện thoại hoặc khoản vay vi mô, giúp những người không có tài khoản ngân hàng hoặc ở vùng sâu vùng xa dễ dàng tiếp cận.

Philippines được coi là quốc gia dẫn đầu thế giới về bảo hiểm vi mô, với 50 triệu người được bảo hiểm thông qua các đơn vị phi truyền thống (như tiệm cầm đồ và hợp tác xã) và một khung pháp lý mạnh mẽ.

Điều này đã cung cấp một cứu cánh quan trọng, chứng minh cách các hợp đồng chi phí thấp, số lượng lớn có thể tạo ra rào cản tức thời chống lại tổn thất thảm khốc. Thành công của mô hình Philippines nằm ở tốc độ; các tổ chức như Hiệp hội Hỗ trợ Tương hỗ CARD (với hình thức vi mô dựa trên chỉ số) đã giải quyết 97% khiếu nại trong vòng 10 ngày sau thảm họa.

Sau mùa bão năm 2025, các khoản chi trả cho các chủ doanh nghiệp nhỏ đã được thực hiện chỉ trong vòng ba ngày, cung cấp nguồn vốn mỗi quan trọng để sửa chữa sập hàng hoặc nhập lại hàng hóa trước khi các gia đình bị buộc phải rơi vào cảnh nợ nần chồng chất hoặc phải di dời vĩnh viễn.

Các cách tiếp cận đa tầng

Các chương trình này không nhất thiết phải hoạt động riêng lẻ mà có thể được kết hợp thành các hệ thống đa tầng. Tại Philippines, Tổng công ty Bảo hiểm Cây trồng Philippine thuộc sở hữu nhà nước là một hình thức bảo hiểm nông nghiệp được chính phủ trợ cấp. Nó có sức hấp dẫn nhờ vào việc hợp tác với các công ty bảo hiểm vi mô tư nhân.

Bằng cách sử dụng mô hình đồng bảo hiểm, nhà nước được hưởng lợi từ mạng lưới phân phối rộng khắp và hệ thống chi trả kỹ thuật số của bảo hiểm vi mô. Cách tiếp cận hỗn hợp này đã tiên phong trong bảo hiểm vi mô dựa trên chỉ số cho các ngư dân và nông dân quy mô nhỏ, thực hiện các khoản chi trả bằng tiền mặt cố định lên đến 100 USD chỉ trong vòng vài ngày sau khi các chỉ số bão được kích hoạt.

Khi người dân lo sợ rằng công ty bảo hiểm địa phương có thể phá sản trong trường hợp xảy ra thảm họa lớn, họ sẽ không mua bảo hiểm. Tái bảo hiểm giải quyết những lo ngại này. Nó cho phép các công ty bảo hiểm nội địa chuyển nhượng những rủi ro biến động nhất của họ, chẳng hạn như mất mùa trên toàn quốc, sang thị trường toàn cầu với nguồn dự trữ vốn sâu rộng.

Bằng cách xuất khẩu rủi ro này cho các "ông lớn" quốc tế, các công ty nội địa bảo vệ được bằng cân đối kế toán của mình. Tại Việt Nam, các sửa đổi trong Luật Kinh doanh Bảo hiểm được Quốc hội thông qua sẽ giới thiệu chế độ vốn dựa trên rủi ro vào năm 2026. Điều này sẽ khiến tái bảo hiểm trở thành một công cụ quan trọng để các công ty trong nước tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và duy trì khả năng thanh toán mà không phải giữ lại một lượng lớn tiền mặt nhàn rỗi.

Tại Thái Lan, trận lũ lụt năm 2011 đã gây ra thiệt hại kinh tế hơn 45 tỷ USD, với tổn thất được bảo hiểm lên tới 15 tỷ USD. Khu vực công nghiệp Thái Lan đã được bảo hiểm rộng rãi bởi các công ty bảo hiểm nội địa, và đến lượt các công ty này lại được tái bảo hiểm quốc tế tới 90%. Do đó, thị trường toàn cầu đã gánh chịu gần như toàn bộ chi phí được bảo hiểm.

Khoản chi trả này là yếu tố sống còn cho sự phục hồi của chuỗi cung ứng điện tử và ô tô toàn cầu, mặc dù sau đó nó dẫn đến việc thắt chặt thị trường tái bảo hiểm ở Đông Nam Á và khiến phí tái bảo hiểm tăng vọt.

Tại Việt Nam, các tổn thất được bảo hiểm từ bão Yagi đã tác động mạnh đến các công ty tái bảo hiểm nội địa như Hanoi Re. Tuy nhiên, nhờ các thỏa thuận chuyển giao rủi ro với các đối tác toàn cầu, một phần đáng kể trong khoản chi trả cuối cùng đã được tài trợ bởi nguồn vốn quốc tế, ngăn chặn một cuộc khủng hoảng thanh khoản trong thị trường nội địa.

Việc thu hẹp khoảng trống bảo vệ bảo hiểm của Việt Nam không chỉ là một giải pháp kỹ thuật hay tài chính. Độ bao phủ rộng hơn có ý nghĩa quan trọng vì bảo hiểm là nền tảng cho sự phục hồi kinh tế và tăng trưởng bao trùm, chứ không đơn

thuần là một cơ chế chi trả. Kinh nghiệm của các quốc gia khác cũng phải đối mặt với thiên tai cho thấy mức độ thâm nhập bảo hiểm sâu hơn có thể hỗ trợ an ninh tài chính, sự tham gia của lực lượng lao động và đầu tư dài hạn.

Sự bảo vệ rộng rãi hơn làm giảm mức độ tổn thương của các hộ gia đình trước các cú sốc, củng cố niềm tin kinh doanh và giải phóng nguồn lực công cho các ưu tiên phát triển. Do đó, tại Việt Nam, mở rộng bảo hiểm là một cột mốc quan trọng trên con đường hướng tới sự thịnh vượng chung và vị thế quốc gia có thu nhập trung bình bền vững, chứ không phải là một sự bổ sung tùy chọn.

Tủ sách Doanh nghiệp

PHỤ LỤC 3.1

Báo cáo của S&P Global: Nhìn về phía trước: Tương lai Ngành Năng lượng

Lời nói đầu

Năng lượng là tất cả. Đây là đặc điểm định hình cục diện toàn cầu ngày nay.

Sự phát triển nhanh chóng của AI và nhu cầu năng lượng khổng lồ để vận hành công nghệ này đang thúc đẩy một sự hội tụ chưa từng có giữa lĩnh vực công nghệ và năng lượng. Điện năng đang đảm nhận vai trò lớn hơn bên cạnh AI trong toàn bộ nền kinh tế, ngay cả khi áp lực về chi phí gia tăng và việc đầu tư vào lưới điện trở nên cấp bách hơn. Đồng thời, "nền kinh tế phân tử" đang thành hình khi thị trường LNG ngày càng hội nhập toàn cầu, và nhiên liệu hóa thạch (hydrocarbons) vẫn đóng vai trò trung tâm trong việc đáp ứng nhu cầu.

Trong bối cảnh toàn cầu đang mở rộng và phát triển nhanh chóng, nhu cầu đảm bảo nguồn năng lượng tin cậy và bền vững chưa bao giờ cấp thiết hơn thế. Việc đảm bảo các khoáng sản và vật liệu thiết yếu ngày càng được công nhận là ưu tiên chiến lược, nhấn mạnh tầm quan trọng của các chuỗi cung ứng đa dạng và việc quản trị tài nguyên dài hạn.

Thúc đẩy tính minh bạch và tiêu chuẩn hóa cao hơn trong đo lường carbon là yếu tố thiết yếu để khai phá toàn bộ tiềm năng của thị trường carbon tự nguyện, đồng thời tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại dựa trên sự phân tách hàm lượng carbon một cách đáng tin cậy.

Khi năng lượng thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu, các tác động khí hậu vẫn tiếp tục gia tăng. Việc tích hợp khả năng thích ứng và phục hồi vật lý vào quy hoạch năng lượng đang trở thành nền tảng để xây dựng các hệ thống bền bỉ, linh hoạt và phù hợp với tương lai.

Hiểu rõ những động lực này không chỉ là yếu tố then chốt đối với các thị trường năng lượng, mà còn đối với cả thế giới rộng lớn mà các thị trường đó phục vụ. Đó là lý do tại sao việc kết hợp chuyên môn sâu về lĩnh vực, dữ liệu nghiêm ngặt và kiến thức thực tế tại thị trường trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Báo cáo *Look Forward: Energy Futures* của S&P Global cung cấp những phân tích hàng đầu thế giới nhằm giúp các nhà lãnh đạo điều hướng sự phức tạp một cách tự tin, vào thời điểm mà các quyết định của các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp và nhà đầu tư sẽ còn vang dội trong nhiều thập kỷ tới. Ấn phẩm này được xuất bản trong bối cảnh chiến tranh ở Trung Đông — một trong những thời điểm quan trọng nhất lịch sử đối với thị trường năng lượng toàn cầu. Đội ngũ phóng viên tin tức và giá cả, các nhà nghiên cứu và phân tích của S&P Global sẽ tiếp tục phân tích tác động của cuộc xung đột đối với thị trường năng lượng vật chất cũng như các hệ lụy dài hạn, đồng thời duy trì kết nối chặt chẽ với khách hàng.

Tóm tắt tổng quan

Hệ thống năng lượng toàn cầu đang vạch ra những ranh giới mới, trong đó khử carbon ngày càng được xem là mục tiêu dài hạn thay vì là ưu tiên tức thời.

Tập hợp các bài viết trong ấn bản *Look Forward* mới nhất của chúng tôi đã nắm bắt được điểm chuyển đổi này: Chúng ta đang thực sự ở trong kỷ nguyên mở rộng năng lượng, nơi khả năng chi trả, tính tin cậy, năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng địa chính trị đang được ưu tiên hàng đầu, xếp trên cả chuyển đổi năng lượng.

Đang có sự hồi sinh trong đầu tư vào dầu khí giữa những lo ngại về thiếu hụt nguồn cung và biến động giá cả. Đồng thời, các nhà đầu tư đang cân bằng giữa kỷ luật vốn, kỳ vọng của cổ đông và việc giám sát phát thải. Hoạt động mở rộng thương nguồn ngày nay mang tính thực tế hơn, tinh vi hơn về công nghệ và nhạy bén hơn về chính trị so với các chu kỳ trước, nhờ sự thích nghi với một thế giới mà nhiên liệu hóa thạch vẫn là yếu tố không thể thiếu nhưng cũng đầy tranh cãi.

Sự tái cân bằng này đặc biệt rõ rệt tại Châu Âu, nơi năng lực cạnh tranh công nghiệp và khả năng chi trả năng lượng đã vươn lên vị trí hàng đầu. Mặc dù Thỏa thuận Xanh Châu Âu vẫn là nền tảng, các nhà hoạch định chính sách đang cân bằng giữa khử carbon với tính thực tiễn, thừa nhận vai trò bền vững của khí đốt trong việc ổn định hệ thống điện và bảo tồn năng lực công nghiệp. Dù sự đồng thuận chính trị về tham vọng khí hậu có thể ít thống nhất hơn, các cơ hội đầu tư vẫn dồi dào.

Sự mở rộng năng lượng không chỉ giới hạn ở các nền kinh tế tiên tiến. Việc mở rộng khả năng tiếp cận năng lượng tin cậy tại Châu Phi là trung tâm của tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Tại đây, các ưu tiên là rất rõ ràng: huy động vốn, cải thiện tính khả thi của dự án và khai thông đầu tư cơ sở hạ tầng.

Trong khi đó, các vật liệu và khoáng sản thiết yếu cho hệ thống năng lượng toàn cầu, chẳng hạn như đồng, ngày càng bị cuốn vào cuộc cạnh tranh địa chính trị. Các chuỗi cung ứng từng được chi phối chủ yếu bởi hiệu quả chi phí thì nay đang được định hình bởi lợi ích an ninh quốc gia.

Ngay cả các chính sách khí hậu cũng đang biến chuyển trong bối cảnh mới này. Các khung hạch toán carbon là trọng tâm của đối thoại chính sách, vì tính minh bạch và khả năng so sánh là thiết yếu trong bối cảnh năng lượng đa cực và phức tạp này. Khả năng chống chịu trước các rủi ro khí hậu vật lý là không thể thiếu khi Mỹ mở rộng công suất phát điện và hạ tầng lưới điện. Nói cách khác, thích ứng (adaptation) cũng quan trọng như giảm thiểu (mitigation). Sau một giai đoạn hào hứng, ngành hóa chất bền vững hiện đang đối mặt với những trở ngại về kinh tế và chính sách, cho thấy không phải tất cả các ngành liên quan đến khử carbon đều tiến triển theo một đường thẳng.

Tổng hòa lại, các bài viết trong *Look Forward: Energy Futures* phác họa một thế giới mà nhu cầu năng lượng đang tăng lên, nguồn cung đang mở rộng và sự cạnh tranh chiến lược đang trở nên gay gắt. Chuyển đổi năng lượng không hề biến mất; nó chỉ không còn là mục tiêu hàng đầu. Thay vào đó là một mệnh lệnh cấp thiết hơn: các hệ thống năng lượng an toàn, giá cả phải chăng và có khả năng mở rộng quy mô, đủ sức duy trì tăng trưởng kinh tế trong một kỷ nguyên địa chính trị bất ổn.

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của Savills: Tổng quan thị trường Bất động sản Việt Nam Quý 1/2026

TỔNG QUAN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thị trường BĐS TP.HCM duy trì sự ổn định với đặc điểm nổi bật là nguồn cung vẫn còn hạn chế, trong khi nhu cầu phục hồi có chọn lọc ở các phân khúc.

- **Lĩnh vực Bán lẻ:** Thị trường tiếp tục thắt chặt khi không có nguồn cung mới và tổng nguồn cung không đổi. Mặc dù tỷ lệ lấp đầy giảm nhẹ so với quý trước do một số khách thuê lớn rời đi, nhưng con số này vẫn duy trì ở mức trên 90%.
- **Văn phòng:** Phân khúc này ở mức cân bằng với tỷ lệ lấp đầy đạt 88% và giá thuê ổn định. Nguồn cung mới chủ yếu đến từ các dự án hạng C, trong khi nhu cầu tập trung vào các tòa nhà hạng A và B, đặc biệt tại khu vực trung tâm (CBD) và Thủ Thiêm. Xu hướng chuyển dịch sang các văn phòng chất lượng cao và ưu tiên vị trí chiến lược tiếp tục là động lực chính, dẫn đầu bởi các nhóm ngành tài chính, công nghệ và bán lẻ.
- **Khách sạn:** Ngành khách sạn có khởi đầu tích cực nhờ sự phục hồi của du lịch. Tỷ lệ lấp đầy đạt 80%, trong khi giá phòng tiếp tục cải thiện nhờ nguồn cung mới hạn chế và nhu cầu tăng mạnh trong mùa cao điểm.
- **Bất động sản Nhà ở:** Nguồn cung mới vẫn bị thắt chặt trong khi nhu cầu ổn định, tạo áp lực tăng giá. Người mua đang ngày càng thận trọng hơn, ưu tiên các dự án có pháp lý rõ ràng và tiến độ thi công đảm bảo. Trong bối cảnh giá cả tại khu vực trung tâm ở mức cao, xu hướng dịch chuyển sang các đô thị vệ tinh tiếp tục gia tăng mạnh mẽ.

TỔNG QUAN HÀ NỘI

Quý 1/2026 ghi nhận những kết quả khả quan, được củng cố bởi điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn FDI tiếp tục đổ vào và quy hoạch tổng thể dài hạn của Thủ đô. Thị trường đang dần chuyển đổi sang mô hình đa trung tâm và phi tập trung, tập trung mạnh mẽ hơn vào chất lượng sản phẩm và trải nghiệm người dùng.

- **Nhà ở:** Nguồn cung và lượng giao dịch nhà ở trong ngắn hạn có sự sụt giảm nhẹ, phản ánh tâm lý thận trọng hơn của người mua. Thị trường đang dịch chuyển dần ra ngoài khu vực lõi nội đô, với sự tăng trưởng trong tương lai gắn liền với các hành lang phát triển đô thị trọng điểm ở phía Bắc, phía Đông và phía Tây Hà Nội.
- **Bán lẻ và Văn phòng:** Hai phân khúc này tiếp tục ghi nhận hiệu suất tích cực với giá thuê và tỷ lệ lấp đầy cải thiện. Xu hướng phi tập trung hóa thể hiện rõ nét khi nhu cầu văn phòng tập trung chủ yếu ở khu vực phía Tây thành phố.
- **Khách sạn và Căn hộ dịch vụ:** Sự phục hồi của du lịch và các hoạt động MICE (du lịch kết hợp hội nghị) đã giúp khách sạn và căn hộ dịch vụ duy trì tỷ lệ lấp đầy cao và cải thiện giá phòng. Triển vọng trung hạn vẫn tích cực nhờ nguồn cung chất lượng cao sắp ra mắt và dòng vốn FDI ổn định.

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2026 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.